

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1.1. Tên gói thầu: Gói số 1: Mua sắm hàng hóa phục vụ giảng dạy thực hành học kỳ 2 năm học 2025 – 2026

1.1.2. Dự toán: Mua sắm dụng cụ, vật tư, nhiên liệu, hóa chất phục vụ giảng dạy thực hành học kỳ 2 năm học 2025 – 2026

1.1.3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị

1.1.4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.1.5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày

1.1.6. Địa điểm cung cấp: Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 259 Thiên Hộ Dương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Điện thoại: 02773.851 523.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-

HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.



- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.


- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh

hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	TÊN HÀNG HÓA	MÔ TẢ/THÔNG SỐ KỸ THUẬT <i>Hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật tương đương và không thấp hơn với hàng hóa mời thầu. - Đặc tính kỹ thuật hàng hóa mời thầu tham khảo theo Catalog bên dưới</i>	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	A/ KHOA NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN		Khoa	0
2	I. NGÀNH BVTV		ngành	0
3	Thùng phi nhựa	100 lít/có nắp	Cái	1
4	Thùng phi nhựa	200 lít/có nắp	Cái	1
5	Cồn 70 ⁰		Lít	20
6	II. NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN		ngành	0
7	Nước ót		Khối	4
8	Artemia Vĩnh Châu		Lon	1
9	Mangan Sunfat MnSO ₄		Hộp	1
10	Môi trường TSA (Tryptic Soya agar)		Chai	1
11	B/ KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ		Khoa	0
12	I. NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA		ngành	0
13	Phôm 3ly 1m22x2m44		Tấm	10
14	Phôm 5ly 1m22x2m44		Tấm	10
15	Dây điện đôi đỏ đen 0.3mm		m	50
16	Giấy A4		Gam	2
17	Viết chì 2B hoặc 3B		Cây	20
18	Hộp màu nước loại tốt		Bộ	60
19	Hộp màu sáp 24 màu loại tốt		Bộ	20
20	Bộ cọ vẽ loại tốt		Bộ	20
21	Mỏ hàn điều chỉnh nhiệt độ NO.901 KS801A 60W kèm phụ kiện			2
22	Đồng hồ kim vạn năng MF47C Cao Cấp Chính Hãng (đầy đủ phụ kiện)			4

23	Chì hàn 100G 0.8mm		Cuộn	5
24	Main PC cũ, còn đủ linh kiện		Cái	5
25	Bông gòn y tế 25g		Bịch	5
26	Que đo đồng hồ 1000V 20A loại tốt		Bộ	5
27	Pin 1,5 V		Cặp	20
28	Pin 9V		Cục	10
29	Nhíp gắp IC Asaki AK-9194		Cái	5
30	II. NGÀNH TIN HỌC VĂN PHÒNG		ngành	0
31	Giấy A4		Gram	2
32	USB Wifi TP Link WN 722N -150Mbps		Cái	4
33	Bộ phát TP Link TL-WR841N (2 râu)		Cái	2
34	III. NGÀNH KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH		ngành	0
35	Máy in Canon 2900		Cái	2
36	Drum 12A (Canon 2900)		Cái	5
37	Trục từ 12A (Canon 2900) hoạt động tốt		Cái	5
38	Gạc lớn 12A (Canon 2900)		Cái	10
39	Gạc nhỏ 12A (Canon 2900)		Cái	10
40	Giấy A4		Gram	4
41	Chai mực Laser		Cái	6
42	Hộp mực 12A		Hộp	4
43	Cọ lớn		Cây	10
44	Cọ nhỏ		Cây	10
45	Bông gòn		Bịch	5
46	Giấy vệ sinh		Cuộn	10
47	Máy cấp nguồn đa năng (PS 305D)		Cái	1
48	Laptop các loại qua sử dụng (Máy không hoạt động nhưng phải đầy đủ linh kiện)		Cái	7
49	Laptop Dell qua sử dụng và còn hoạt động tốt cấu hình tối thiểu (I3 thế hệ 4, Ram 8GB, ssd 128Gb)		Cái	2
50	Bộ Tô Vít Đa Năng 25 Chi Tiết Vô Nhôm		Bộ	2
51	Bộ tua vít đa năng sửa chữa đồ điện tử 25 đầu kèm bao da		Cây	3
52	Card test main đa năng 631 Pro (có đầu cable hỗ trợ kiểm tra Laptop)		Cái	1
53	Pin Laptop các loại (Hư nhưng còn nguyên linh kiện)		Cái	5
54	Bàn phím Laptop (Hư nhưng còn đủ phím)		Cái	5

55	Adapter Laptop các loại (Hư nhưng còn nguyên linh kiện)		Cái	5
56	Bộ đầu dây cấp nguồn đa năng laptop 46 đầu, dùng cho máy cấp dòng laptop		Bộ	1
57	Trọn bộ đầu thu camera analog và 3 camera kbvision		Bộ	2
58	Trọn bộ 2 Camera DS-2CE16C0T-IR + Đầu ghi hình HIKVISION, có sẵn phụ kiện		Bộ	2
59	Trọn bộ 2 Camera và Đầu ghi (tích hợp) IP 4 kênh Hikvision DS-7104NI-Q1/4P		Bộ	2
60	Cáp đồng trục		Mét	50
61	Cáp mạng		Mét	200
62	Kéo		Cây	10
63	Đầu bấm Cat5		Hộp	5
64	Giắc BNC (cáp đồng trục)		Cái	20
65	Kèm bấm mạng		Cây	4
66	Camera Imou Wifi 3.0 độ phân giải 2k		Cái	2
67	Kéo 30 cm		Cái	2
68	IV. NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM		ngành	0
69	Dao răng cưa nhỏ		cái	5
70	Thớt gỗ (30 cm)		cái	5
71	Nhãn decal		Bộ 5 xấp	1
72	Ống bơm nhỏ giọt		Bộ 10 ống	1
73	Bảng đeo học sinh (2 mặt) (320 x 220 x 0.5 mm)		cái	5
74	Giá để ống nghiệm		cái	5
75	Ống nghiệm có nút vụn (25x200mm)		cái	30
76	Axit sulfuric H ₂ SO ₄		lít	1
77	Amoni sunfat (NH ₄) ₂ SO ₄		kg	0,5
78	C/ KHOA ĐIỆN ĐIỆN TỬ		khoa	0
79	I. Nghệ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (BM Điện lạnh) - (I)		ngành	0
80	1.1 Vật tư Trụ sở chính		vật tư	0
81	Dây điện	2x24	Mét	280
82	Dây điện đơn	2,5	Mét	30
83	Đầu cos chia	2,5ly	Bịt	10
84	Đầu cos chia	5ly	Bịt	1
85	Bảng keo điện PVC	18M-20Y	Cuộn	35
86	Đôminô 24 Pin	20A	Cái	15
87	Role kiến 14 chân dẹp nhỏ + đế	PYF14A	Bộ	15
88	Đế role thời gian tròn 8 chân	Anly	Cái	10

89	Công tắc treo	Vina	Cái	10
90	Pin tiêu AA	1,5v	Cặp	5
91	Pin	9V	Cục	3
92	Hộp cầu chì kính	FS101 (10A-250VAC)	Cái	5
93	Cầu chì kính ống dài 5cm	10A	Cái	20
94	Cầu chì kính ống dài 5cm	5A	Cái	20
95	Cầu chì kính ống dài 5cm	3A	Cái	20
96	Gas lạnh (binh 3kg)	R22	Bình	1
97	Que do VOM đầu kim 1000V-20A		Cặp	5
98	Nẹp xương cá đi dây điện	30x30	Mét	15
99	Gas lạnh (2,8 kg)	R410a	Bình	1
100	Gas lạnh (3 kg)	R32	Bình	1
101	Ống đồng	Φ6 dây 07mm	Mét	6
102	Ống đồng	Φ10 dây 07mm	Mét	6
103	Ống đồng	Φ12 dây 07mm	Mét	6
104	Ống đồng	Φ16 dây 07mm	Mét	4
105	Ống đồng	Φ19 dây 07mm	Mét	4
106	Nạp gas đốt	10kg	Bình	1
107	Nạp gió hàn	Bình lớn	Bình	1
108	Cụm van 3 ngã	phi 10	Cái	2
109	Cụm van 3 ngã	phi 12	Cái	2
110	Cụm van 3 ngã	phi 16	Cái	2
111	Đầu nối ren trong lỗ ống đồng + tán	phi 10	Bộ	4
112	Đầu nối ren trong lỗ ống đồng + tán	phi 12	Bộ	3
113	Đầu nối ren trong lỗ ống đồng + tán	phi 16	Bộ	3
114	Ống gió mềm bảo ôn Polyester	đường kính trong 25cm	m	5
115	Si quần cách nhiệt		kg	2
116	Băng keo bạc băng 5cm (cuộn lớn)	5 cm	Cuộn	6
117	Cos đẹp	FDD (dạng Cái cắm block)	Cái	200
118	Công tắc Vina	3 cục	Cái	25
119	Dây rút nhựa	20cm	Bịt	8
120	Pin AA 1.5 V		Cặp	10
121	Capa quạt 2,5 mF		Cái	3
122	Vít bắt gỗ 3cm màu đen	Bịt/100c	Bịt	2
123	Vít bắt gỗ 2cm màu đen	Bịt/100c	Bịt	2
124	Pin Maxell AA Super Power Ace (dùng cho đồng hồ V.O.M)	(dùng cho đồng hồ V.O.M)	Cặp	12
125	Pin tiêu AAA (dùng cho remote máy lạnh)		Cặp	6

126	Que đo VOM đầu kim 1000V-20A		Cặp	8
127	Chì Hàn PENGFA 400g	400gram	Cuộn	2
128	Cos đẹp	FDD (dạng Cái cắm block)	Cái	200
129	Ống đồng	Φ6 dây 07mm	Mét	10
130	Nạp gas đốt	10kg	Bình	1
131	Nạp gió hàn	Bình lớn	bình	1
132	Pin tiêu AA	1,5 V	Cặp	10
133	Pin 9V	9 vôn	Cục	5
134	Công tắc cửa tủ lạnh	2 chân	cái	10
135	Bóng đèn tủ lạnh + đuôi	220VAC	bộ	5
136	Hàn the		kg	1
137	Chui ghim điện	3000W	cái	4
138	Sò nóng tủ lạnh		cái	5
139	Sò lạnh tủ lạnh		cái	5
140	Relay PTC		cái	10
141	Thermic 1/6HP		cái	5
142	Thermic 1/10HP		cái	5
143	Role xả đá tủ lạnh		cái	10
144	Ty sạt gas		cái	20
145	Phin sấy lọc tủ lạnh 3 râu		cái	10
146	Bạc hàn ống đồng		cây	60
147	Que đo V.O.M		Cặp	10
148	Gas lạnh (bình 3 kg)	R134a	bình	1
149	Lưỡi dao cắt ống đồng	VALUE 28B	cái	5
150	Dàn lạnh tủ lạnh	210 lít	cái	3
151	1.2 Vật tư Cơ sở 1		vật tư	0
152	Dây điện	2x24	mét	150
153	Dây điện đơn	2,5	mét	20
154	Đầu cos chia	2,5ly	Bịt	10
155	Đầu cos chia	5ly	Bịt	1
156	Băng keo điện PVC	18M-20Y	Cuộn	18
157	Đôminô 24Pin	20A	Cái	8
158	Role kiến 14 chân đẹp nhỏ + đế	PYF14A	bộ	20
159	Đế role thời gian tròn 8 chân	Anly	cái	10
160	Công tắc treo	Vina	Cái	10
161	Pin tiêu AA	1,5v	Cặp	5
162	Pin	9V	Cục	3
163	Hộp cầu chì kính	(10A-250VAC)	cái	5
164	Cầu chì kính ống dài 5cm	10A	cái	10

165	Cầu chì kính ống dài 5cm	5A	cái	10
166	Cầu chì kính ống dài 5cm	3A	cái	10
167	Que đo VOM đầu kim 1000V-20A		Cặp	3
168	Nẹp xương cá đi dây điện	30x30	mét	5
169	Cụm van 3 ngã	phi 10	Cái	2
170	Cụm van 3 ngã	phi 16	Cái	3
171	Cụm van 3 ngã	phi 19	Cái	2
172	Si quản cách nhiệt		kg	3
173	Băng keo bạc băng 5cm (cuộn lớn)	5 cm	Cuộn	10
174	Dây rút nhựa	20cm	Bịt	6
175	Dây rút nhựa	30cm	Bịt	2
176	Ống Gen co nhiệt cách điện	5mm	Bịt/50 sợi	2
177	Cos đẹp	FDD (dạng Cái cắm block)	Cái	200
178	Ống đồng	Φ6 dày 07mm	Mét	5
179	Nạp gas đốt	10kg	Bình	1
180	Nạp gió hàn	Bình lớn	bình	1
181	Pin tiêu AA	1,5 V	Cặp	5
182	Pin 9V	9 vôn	Cục	5
183	Công tắc cửa tủ lạnh	2 chân	cái	5
184	Bóng đèn tủ lạnh + đuôi	220VAC	bộ	5
185	Hàn the		kg	1
186	Chui ghim điện	3000W	cái	3
187	Sò nóng tủ lạnh		cái	5
188	Sò lạnh tủ lạnh		cái	5
189	Bạc hàn ống đồng		cây	20
190	Relay PTC		cái	10
191	Thermic 1/6HP		cái	5
192	Thermic 1/10HP		cái	5
193	Role xả đá tủ lạnh		cái	5
194	Ty sạt gas		cái	10
195	Que đo V.O.M		Cặp	5
196	Gas lạnh (bình 3 kg)	R134a	bình	1
197	Lưỡi dao cắt ống đồng	VALUE 28B	cái	5
198	Dàn lạnh tủ lạnh	210 lít	cái	3
199	2.1 Dụng cụ Trụ sở chính		dụng cụ	0
200	Contactơ LS có 2 cặp tiếp điểm phụ	(220V-18A)	cái	25
201	Role nhiệt LS MT-12 (12-18A)	(12-18A)	cái	10
202	CB cóc	10A	cái	4

203	Role thời gian (Timer) + đế Anly (AH2-Y) 60S	Loại 60S	cái	5
204	Đồng hồ VOM DE 360-TRn (màu xanh-Đài loan)	DE 360-TRn	cái	2
205	Van tay chặn đồng (loại răn phi 10)	Phi 10	cái	2
206	Van tay chặn đồng (loại răn phi 12)	Phi 12	cái	2
207	Role hẹn giờ Camsco	TB35	cái	2
208	Bộ dao cạo bavia 7 chi tiết	Bộ gồm 7 chi tiết	Bộ	1
209	Bộ loe lệch tâm Value (1 kẹp, có dao) Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp VFT-808-I + 01 Dao cắt ống VTC-28B (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp + 01 Dao cắt ống (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bộ	2
210	Máy đo tốc độ gió SMARTSENSOR AR816+	Model: AR816+	bộ	1
211	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay CH 8380	Phạm vi đo nhiệt lớn, từ -50 ° C ~ 380 ° C (-58 ° F ~ 716 ° F)	bộ	1
212	Lục giác 4 mm		cây	3
213	Lục giác 5 mm		cây	3
214	Van chống bồng	Gas R22	cái	2
215	Van chống bồng	Gas R 410	cái	2
216	Bec rửa máy lạnh, dùng thay thế cò súng máy xịt		cái	2
217	Béc rửa vệ sinh máy lạnh tay cong có chỉnh	VN	cái	1
218	Mỏ lết Asaki 300mm	12inch-300mm	cái	2
219	Dũa Thép Bằng Tolsen 32001 (20cm)	32001 (20cm)	cái	3
220	Đồng hồ giảm áp Nitơ Harris 25GX-500	25GX-500	cái	1
221	Bo máy lạnh mono Reetech 1 chiều (hoặc bo máy lạnh Midea)	Điện áp 220VAC Board qua sử dụng, còn hoạt động tốt (kèm: quạt lạnh, remote, cảm biến, motor vẫy, mạch hiển thị, quạt nóng, biến thế).	Bộ	2
222	Bo máy lạnh mono Panasonic 1 chiều	Điện áp 220VAC. Board qua sử dụng, còn hoạt động tốt (kèm: quạt lạnh, remote, cảm biến, motor vẫy, mạch hiển thị, quạt nóng, biến thế).	Bộ	2
223	Lưỡi dao cắt ống đồng (Value)	4-28mm	cái	4

224	Bộ loe lệch tâm Value (1 kẹp, có dao) Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp VFT-808-I + 01 Dao cắt ống VTC-28B (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp + 01 Dao cắt ống (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bộ	3
225	Kim nong ống đồng	6mm - 22.3mm	cái	2
226	Dao cạo Bavaria ống đồng Value		cái	3
227	Đồng hồ nạp Gas Value (R22) (có dây kết nối, xanh, đỏ, vàng và hộp nhựa)	Có dây kết nối, xanh, đỏ, vàng và hộp nhựa sử dụng ga R22	cái	3
228	Đồng hồ VOM DE 360-TRn (màu xanh-Đài loan)	DE 360-TRn	cái	2
229	Đồng hồ khí gas và đồng hồ oxy Tanaka (TQ) - điều áp khí gas và oxy hàn cắt gió đá (gồm 2 cái)	OEM	Bộ	1
230	Bơm hút chân không 2.5CFM HBS RS-1-R32	Công suất 1/4 HP sử dụng loại ga R32	cái	1
231	Block tủ lạnh	1/6HP (LG)	cái	1
232	2.2 Dụng cụ Cơ sở 1		dụng cụ	0
233	Contactơ LS có 2 cặp tiếp điểm phụ	(220V-18A)	cái	5
234	Role nhiệt LS MT-12 (12-18A)	LS MT-12 (12-18A)	cái	5
235	CB cóc	10A	cái	4
236	Rơ le bảo vệ ngược pha, chống mất pha	SELEC 600PSR280 / 520	cái	2
237	Role thời gian (Timer) + đế Anly (AH2-Y) 60S	Loại 60S	cái	5
238	Đồng hồ VOM DE 360-TRn (màu xanh-Đài loan)	DE 360-TRn	cái	2
239	Van tay chặn đồng (loại rãnh phi 10)	Phi 10	cái	1
240	Van tay chặn đồng (loại rãnh phi 12)	Phi 12	cái	1
241	Role hẹn giờ Camsco	TB35	cái	1
242	Bộ loe lệch tâm Value (1 kẹp, có dao) Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp VFT-808-I + 01 Dao cắt ống VTC-28B (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp + 01 Dao cắt ống (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bộ	1
243	Máy đo tốc độ gió SMARTSENSOR AR816+	Model: AR816+	bộ	1
244	Thiết bị đo nhiệt độ cầm tay CH 8380	phạm vi đo nhiệt lớn, từ -50 ° C ~	bộ	1

		380 ° C (-58 ° F ~ 716 ° F)		
245	Van chống bông	Gas R22	cái	2
246	Van chống bông	Gas R 410	cái	2
247	Bec rửa máy lạnh, dùng thay thế cò súng máy xịt		cái	2
248	Bec rửa vệ sinh máy lạnh tay cong có chỉnh	VN	cái	2
249	Đồng hồ giảm áp Nitơ Harris 25GX-500	25GX-500	cái	1
250	Máy khoan búa Bosch GBH 2-28 DV 820W (Chính hãng)	GBH 2-28 DV 820W	cái	1
251	Chuột	Cổng USB	con	2
252	Bàn phím	Cổng USB	cái	2
253	Lưỡi dao cắt ống đồng (Value)	4-28mm	cái	2
254	Bộ loe lệch tâm Value (1 kẹp, có dao) Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp VFT-808-I + 01 Dao cắt ống VTC-28B (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bao gồm: + 01 Đầu loe + 01 kẹp + 01 Dao cắt ống (Cắt được ống Ø4 - Ø28)	Bộ	1
255	Kim nong ống đồng	6mm - 22.3mm	cái	2
256	Dao cạo Bavia ống đồng Value		cái	6
257	Đồng hồ nạp Gas Value (R22) (có dây kết nối, xanh, đỏ, vàng và hộp nhựa)	Loại sử dụng cho ga R22	cái	2
258	Đồng hồ VOM DE 360-TRn (màu xanh-Đài loan)	DE 360-TRn	cái	2
259	Bơm hút chân không 2.5CFM HBS RS-1-R32	Công suất 1/4 HP sử dụng cho ga R32	cái	2
260	Block tủ lạnh	1/6HP (LG)	cái	1
261	B. Nghề Công nghệ kỹ thuật Điện -Điện tử (BM Điện tử) - (II)		nghề	0
262	1.1 Vật tư Trụ sở chính		vật tư	0
263	Gen co nhiệt	1mm	mét	10
264	Gen co nhiệt	2mm	mét	10
265	Gen co nhiệt	2,5 mm	mét	10
266	Gen co nhiệt	3 mm	mét	10
267	Gen co nhiệt	5 mm	mét	10
268	Dây điện đơn	1x0.75mm (đỏ)	mét	50
269	Dây điện đơn	1x0.75mm (vàng)	mét	50
270	Dây điện đơn	1x0.75mm (xanh)	mét	50
271	Pin tiêu AA	1,5V	Viên	30
272	Đầu cos ghim cái	2,2mm	1-bịt (100) cái	5

273	Cầu chì kính ống dài 5cm	3A	cái	10
274	Pin	9V	Cục	20
275	Dây điện đôi	2x24	m	70
276	Dây điện Đơn	2.5	m	70
277	Rờ le trung gian 10A 8 chân dẹp 220V	10A 220V	Cái	10
278	Lưỡi cưa sắt		Cái	3
279	Dây điện đôi	2*24	Mét	50
280	Vít vặn gỗ	2 cm	Con	50
281	Vít vặn gỗ	5 cm	Con	50
282	Đầu chia khí	φ6(Chia 3)	Cái	10
283	Đầu chia khí	φ6(Chia 4)	Cái	10
284	Đầu chia khí	φ6(Chia 5)	Cái	10
285	Role	24VDC (14 chân)	Cái	5
286	Van điện khí 3/2 tác động kép	đường kính φ6	Cái	3
287	Van điện khí 5/2 tác động kép,	(đường kính φ6)	Cái	4
288	Ống dẫn khí	φ6 (Đường kính ngoài φ6)	Mét	30
289	Chiết áp	phi 22mm	Cái	4
290	Công tắc xoay	3 vị trí LA38 22mm (tự giữ)	Cái	2
291	Đầu Cos kim rồng	E0508 dùng cho dây 0.5MM	Bịch (100 Cái)	2
292	Dây điện đôi	2X24	Mét	20
293	Dây điện đơn mềm	0.5mm	mét	200
294	Băng keo đen nano		Cuộn	60
295	Điện trở	1Ω	Con	45
296	Điện trở	100Ω	Con	45
297	Điện trở	220Ω	Con	45
298	Điện trở	330Ω	Con	45
299	Điện trở	470Ω	Con	45
300	Điện trở	560Ω	Con	45
301	Điện trở	680Ω	Con	45
302	Điện trở	1K	Con	45
303	Điện trở	2,2K	Con	45
304	Điện trở	3,3K	Con	45
305	Điện trở	4,7K	Con	45
306	Điện trở	5,6K	Con	45
307	Điện trở	8,2K	Con	45
308	Điện trở	10K	Con	45
309	Điện trở	39K	Con	45

310	Điện trở	47K	Con	45
311	Điện trở	100K	Con	45
312	Điện trở	1M	Con	45
313	Điện trở	1,5M	Con	45
314	Điện trở	2M	Con	45
315	Tụ hóa (giấy)	1 μ F/16V	Cái	45
316	Tụ hóa (giấy)	10 μ F/16V	Cái	45
317	Tụ hóa (giấy)	22 μ F/16V	Cái	45
318	Tụ hóa (giấy)	47 μ F/16V	Cái	45
319	Tụ hóa (giấy)	100 μ F/16V	Cái	45
320	Tụ hóa (giấy)	220 μ F/16V	Cái	45
321	Tụ hóa (giấy)	470 μ F/16V	Cái	45
322	Tụ hóa (giấy)	10.000 μ F/16V	Cái	45
323	Tụ hóa (giấy)	22.000 μ F/16V	Cái	45
324	Tụ Ceramic	104	Cái	45
325	Tụ Ceramic	224/50V	Cái	45
326	Tụ Ceramic	.22/50v	Cái	45
327	Tụ Ceramic	2A222	Cái	45
328	Biến trở cắt áo	10K (103)	Con	45
329	Biến trở Volume	5K	Con	65
330	Biến trở Volume	10K	Con	45
331	Biến trở Volume	50K	Con	45
332	Biến trở Volume	100K	Con	45
333	Biến trở Volume	1M	Con	45
334	Diode phát quang Xanh lá	5mm	Con	75
335	Diode phát quang Đỏ	5mm	Con	75
336	Diode phát quang Xanh dương	5mm	Con	75
337	Led 7 đoạn	Anode chung	Con	45
338	Led 7 đoạn	Kathode chung	Con	45
339	Transistor	C828	Con	75
340	Transistor	C2383	Con	75
341	Transistor	A1015	Con	75
342	Tip	32C	Con	45
343	SCR	2P4	Con	45
344	DIAC	DB4	Con	45
345	Triac	BTA12 - 600B	Con	45
346	Triac	BTA16 - 600B	Con	45
347	Dây đồng cắm test board		Kg	4
348	IC	NE555	Con	45
349	Thạch anh	1M	Con	45

350	Op - Amp	LM741	Con	45
351	Que đo V.O.M		Cặp	30
352	Dây điện đôi	Dây điện đôi 0.5mm	Mét	200
353	Transistor	BJT D718, B688	Con	20
354	Chì hàn		Cuộn	5
355	Cầu chì ống	5A, 30mm và 20mm	Cái	30
356	Triac	BT137	Con	20
357	SCR	KY202	Con	20
358	Bóng đèn	24V chuỗi gài	Con	20
359	IC số	HD74LS00P	Con	30
360	IC số	HD74LS02P	Con	30
361	IC số	HD74LS04P	Con	30
362	IC số	HD74LS08P	Con	30
363	IC số	HD74LS32P	Con	30
364	IC số	HD74LS27P	Con	30
365	IC số	HD74LS86P	Con	30
366	IC số	HD74LS266P	Con	30
367	IC số	IC NE555	Con	30
368	IC số	HD74LS76	Con	30
369	IC số	HD74LS74	Con	30
370	IC số	HD74LS90	Con	30
371	IC số	HD74LS192	Con	30
372	IC số	HD74LS195	Con	30
373	IC số	HD74LS132	Con	30
374	IC số	HD74LS168	Con	30
375	IC số	DC4017B	Con	30
376	IC số	74LS148	Con	30
377	IC số	74LS42	Con	30
378	IC số	74LS47	Con	30
379	Led đỏ	5mm	Con	400
380	Led xanh lá	5mm	Con	300
381	Led 7 đoạn Anode chung	0.36in	Con	30
382	1.2 Vật tư Cơ sở 1		vật tư	0
383	Gen co nhiệt	1mm	mét	10
384	Gen co nhiệt	2mm	mét	10
385	Gen co nhiệt	2,5 mm	mét	10
386	Gen co nhiệt	3 mm	mét	10
387	Gen co nhiệt	5 mm	mét	10
388	Dây điện đơn	1x0.75mm (đỏ)	mét	50
389	Dây điện đơn	1x0.75mm (vàng)	mét	50

390	Dây điện đơn	1x0.75mm (xanh)	mét	50
391	Pin tiêu AA	1,5V	Viên	20
392	Đầu cos ghim cái	2,2mm	1-bít (100) cái	5
393	Cầu chì kính ống dài 5cm	3A	cái	10
394	Pin	9V	Cục	20
395	Led liền dây sáng đỏ	5V 100 bóng led	Cuộn	2
396	Led liền dây sáng xanh lá	5V 100bóng led	Cuộn	2
397	Led liền dây sáng trắng	5V 100bóng led	Cuộn	2
398	Led liền dây sáng xanh dương	5V 100bóng led	Cuộn	2
399	Led đục phát ra màu xanh lá	5mm (1000 bóng)	Bịch	2
400	Điện trở	220R 1/4w 5 vạch sai số 5% (túi 100c)	Túi	2
401	Mạch điều khiển led	4U 8 kênh 30A	Cái	2
402	Mạch điều khiển led	4U 16 kênh 30A	Cái	2
403	USB nạp chương trình bo	4U	Cái	2
404	Nguồn DC	5V60A	Cái	2
405	Module Led	P5 Full color indoor	tấm	10
406	Card điều khiển	HD WF4	cái	2
407	Dây điện đơn, lõi nhiều sợi	0.5mm (cuộn 100 mét)	mét	100
408	Dây điện đôi	2X24	mét	50
409	Tần số kế	60 Hz	Cái	10
410	Dây điện đơn mềm	0.5m	mét	100
411	Băng keo đen nano		Cuộn	10
412	Điện trở	1Ω	Con	15
413	Điện trở	100Ω	Con	15
414	Điện trở	220Ω	Con	15
415	Điện trở	330Ω	Con	15
416	Điện trở	470Ω	Con	15
417	Điện trở	560Ω	Con	15
418	Điện trở	680Ω	Con	15
419	Điện trở	1K	Con	15
420	Điện trở	2,2K	Con	15
421	Điện trở	3,3K	Con	15
422	Điện trở	4,7K	Con	15
423	Điện trở	5,6K	Con	15
424	Điện trở	8,2K	Con	15
425	Điện trở	10K	Con	15
426	Điện trở	39K	Con	15

427	Điện trở	47K	Con	15
428	Điện trở	100K	Con	15
429	Điện trở	1M	Con	15
430	Điện trở	1,5M	Con	15
431	Điện trở	2M	Con	15
432	Tụ hóa (giấy)	1 μ F/16V	Cái	15
433	Tụ hóa (giấy)	10 μ F/16V	Cái	15
434	Tụ hóa (giấy)	22 μ F/16V	Cái	15
435	Tụ hóa (giấy)	47 μ F/16V	Cái	15
436	Tụ hóa (giấy)	100 μ F/16V	Cái	15
437	Tụ hóa (giấy)	220 μ F/16V	Cái	15
438	Tụ hóa (giấy)	470 μ F/16V	Cái	15
439	Tụ hóa (giấy)	10.000 μ F/16V	Cái	15
440	Tụ hóa (giấy)	22.000 μ F/16V	Cái	15
441	Tụ Ceramic	104	Cái	15
442	Tụ Ceramic	224/50V	Cái	15
443	Tụ Ceramic	.22/50v	Cái	15
444	Tụ Ceramic	2A222	Cái	15
445	Biến trở cắt áo	10K (103)	Con	15
446	Biến trở Volume	5K	Con	25
447	Biến trở Volume	10K	Con	15
448	Biến trở Volume	50K	Con	15
449	Biến trở Volume	100K	Con	15
450	Biến trở Volume	1M	Con	15
451	Diode phát quang Xanh lá	5mm	Con	25
452	Diode phát quang Đỏ	5mm	Con	25
453	Diode phát quang Xanh dương	5mm	Con	25
454	Led 7 đoạn	Anode chung	Con	15
455	Led 7 đoạn	Kathode chung	Con	15
456	Transistor	C828	Con	25
457	Transistor	C2383	Con	25
458	Transistor	A1015	Con	25
459	Tip	32C	Con	15
460	SCR	2P4	Con	15
461	DIAC	DB4	Con	15
462	Triac	BTA12 - 600B	Con	15
463	Triac	BTA16 - 600B	Con	15
464	Dây đồng cắm test board		Kg	2
465	IC	NE555	Con	15
466	Thạch anh	1M	Con	15

467	Op - Amp	LM741	Con	15
468	Que đo V.O.M		Cặp	10
469	Dây điện đôi	0.5mm	Mét	100
470	Transistor	BJT D718, B688	Con	10
471	Chì hàn		Cuộn	5
472	Cầu chì ống	5A, 30mm và 20mm	Cái	40
473	Triac	BT137	Con	20
474	SCR	KY202	Con	20
475	Bóng đèn	24V chuỗi gài	Con	20
476	IC số	HD74LS00P	Con	10
477	IC số	HD74LS02P	Con	10
478	IC số	HD74LS04P	Con	10
479	IC số	HD74LS08P	Con	10
480	IC số	HD74LS32P	Con	10
481	IC số	HD74LS27P	Con	10
482	IC số	HD74LS86P	Con	10
483	IC số	HD74LS266P	Con	10
484	IC số	IC NE555	Con	10
485	IC số	HD74LS76	Con	10
486	IC số	HD74LS74	Con	10
487	IC số	HD74LS90	Con	10
488	IC số	HD74LS192	Con	10
489	IC số	HD74LS195	Con	10
490	IC số	HD74LS132	Con	10
491	IC số	HD74LS168	Con	10
492	IC số	DC4017B	Con	10
493	IC số	74LS148	Con	10
494	IC số	74LS42	Con	10
495	IC số	74LS47	Con	10
496	Led đỏ	5mm	Con	100
497	Led xanh lá	5mm	Con	100
498	Led 7 đoạn Anode chung	0.36in	Con	10
499	2.1 Dụng cụ Trụ sở chính		dụng cụ	0
500	Máy hiện sóng	FNIRSIR DSO 153 MINI Digital oscilloscope	Cái	8
501	Bộ tuốc nơ vít (tô vít)	6 chi tiết Total THT250606	Bộ	10
502	Ampe kiểm đồng hồ vạn năng	NJTY 3266TD	Cái	8
503	2.2 Dụng cụ Cơ sở 1		dụng cụ	0

504	Máy hiện sóng	FNIRSIR DSO 153 MINI Digital oscilloscope	Cái	8
505	Ampe kiểm đồng hồ vạn năng	NJTY 3266TD	Cái	4
506	C Nghệ Điện công nghiệp (BM Điện công nghiệp) - (III)		nghề	0
507	Dây điện từ phi 0,40 mm		KG	3
508	Dây điện từ phi 0,60 mm		KG	3
509	Dây điện đôi 2*24		m	200
510	Giấy lót rãnh 3 dem kiến		Tờ	5
511	Giấy lót rãnh 2 dem kiến		Tờ	5
512	Ống ren 1 ly		Sợi	10
513	Ống ren 2 ly		Sợi	10
514	Ống ren 3 ly		Sợi	10
515	Ống ren 5 ly		Sợi	30
516	Đồng hồ đo tốc độ DT2234E		Cái	2
517	Thước đo dây đồng Pame 0 - 25mm		Cây	1
518	Dây điện VCcmd 2x0,75 - (2x24/0.2)-0,6/1kw (dây đôi mềm đẹp)		mét	100
519	Pin 1,5 Volt 9AA		Cục	6
520	Pin 9 Volt		Cục	4
521	Role kiến 5A - 24VDC - 8 Chân + Đế		Bộ	10
522	Que đo VOM đầu kim 1000V-20A		cặp	6
523	Van điện khí 5/2 tác động kép, (đường kính φ6)model: 4A220-08		Cái	4
524	Công tắc hành trình khí nén (M5R110-06)		Cái	8
525	Dây điện đơn mềm VCm-0.5 mm2 (Đỏ, 100m/cuộn)		Cuộn	60
526	Dây điện đơn mềm VCm-0.5 mm2 (Đỏ, 100m/cuộn)		Cuộn	60
527	Đầu Cos Phủ Nhựa Y 2.5 màu xanh (100 cái/Bịch)		Bịch	1
528	Đầu Cos Phủ Nhựa Y 2.5 màu đỏ (100 cái/Bịch)		Bộ	1
529	Công tắc tơ ba pha 22A-LS		Cái	10
530	CB ba pha 32A MCB-LS		Cái	6
531	Công tắc hành trình HY-M904		Cái	10
532	Công tắc phao ONPAS		Cái	10
533	Rơ le nhiệt LS-MT-32	12-18A	Cái	6
534	Dây đơn VCm 0.75	Đơn mềm 0.75	m	200
535	Ván phim bóng kích thước, (1,2 x 2,4)m, dày 1,8mm		Tấm	2
536	Gas lạnh R22		kg	6

537	Gas lạnh R410		Kg	6
538	Dây điện CVV 2x2.5 mm (2 lớp vỏ)		Mét	100
539	Dây điện CVV 2x4.0mm (2 lớp vỏ)		Mét	60
540	Mũi bắn vít pake		Cái	4
541	Xà phòng		kg	1
542	Băng keo Nano		Cuộn	10
543	CB cóc Panasonic BS1113TV 30A 1.5kA 2P 220V	30A 1.5kA 2P 220V	Cái	4
544	D/ KHOA CƠ KHÍ XÂY DỰNG		khoa	0
545	I. NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ		ngành	0
546	Máy hút chân không (Bơm hút chân không 2.5CFM HBS RS-1)	Công suất 1/4 HP nạp ga ô tô	Cái	2
547	Máy Nén Khí Puma 2HP 120L PK-20120	Công suất 2HP, bình khí 120 Lít	Máy	2
548	Xe đẩy hàng 4 bánh Sumika H300 (tải trọng 300kg)	(tải trọng 300kg)	Cái	2
549	Bầu phanh lọc kê Chenglong	Mã sản phẩm: BLK500C037	Bộ	2
550	Kim tuốt dây điện Total 215 mm	Kim tuốt dây điện 8.5"	Cây	2
551	Kiểm bầm chết 10 inch Toptun DAAQ1A10	10"/250mm	Cái	2
552	Thước vuông kẽ góc 30mm x 50mm	30mm x 50mm	Cây	2
553	Kim tháo ống xăng	Dài : 23 cm; Độ kẹp : 1,2 – 9,5 cm	Cái	2
554	Kim bầm cos đa năng gồm 6 ngàm (SN-2, SN-28B, SN-58B, SN-06, SN-06WF)	(SN-2, SN-28B, SN-58B, SN-06, SN-06WF)	Cây	2
555	Kéo cắt tôn Sata 93213	Sata 93213	Cây	3
556	Kích bình ô tô Kaston 14.000 mAh	14.000 mAh	Cái	1
557	Bộ cờ lê cách điện VDE 4 món Bosch		Bộ	1
558	Bộ đồng hồ + dây nạp gas (134a)		Bộ	2
559	Cân điện tử (30kg, bước nhảy d=5g)		Cái	2
560	Ắc Quy GS NS60LS (12V-45AH)	(12V-45AH)	Cái	2
561	Ắc Quy khô 90D26L (12V-80AH)	(12V-80AH)	Cái	2
562	Ắc quy Đồng nai 100Ah	(12V-100AH)	Cái	2
563	Công tắc đèn Vios 2019 (Loại 20 chân) + Công tắc gạt nước Vios 2019, bao gồm bộ giắc	Công tắc tổ hợp (có giắc)	Cái	2
564	Công tắc nâng hạ kính đơn Toyota + Giắc (mới 100%). Mã phụ tùng: 84810-0D300	Công tắc đơn (có giắc)	Cái	3
565	Kính chiếu hậu Vios 2020 + giắc, mã phụ tùng 87910-0D740 (RH), 87940-0D730 (LH) (mới 100%)	Bộ 2 kính	Bộ	2

566	Công tắc hazard (báo nguy) Toyota + Giắc (mới 100%).	Mã phụ tùng: 843320D020	Cái	2
567	Mô tơ nâng hạ kính Toyota bên trái và phải (kèm giắc)	Mã phụ tùng: 85720- 0D190 (LH), 85710- 06190 (RH)	Bộ	2
568	Hộp rơ le, cầu chì	Xe Dongbeng	Cái	2
569	Bộ khóa cửa toyota (Cửa trước trái) ,	Mã 690400D400 + 2 dây cáp + Giắc	Cái	2
570	Bộ khóa cửa toyota (Cửa trước phải).	Mã 690400D400 + 2 dây cáp + Giắc	Cái	2
571	Công tắc chỉnh gương Toyota	Mã phụ tùng: 848700D030	Cái	2
572	Công tắc đèn, gạt nước Toyota Hiace 2003 (mới 100%)		Bộ	1
573	Bộ rotuyn gồm 2 rotuyn lái trong, 2 rotuyn lái ngoài và 2 rotuyn cân bằng.	Dongben 800kg đời 2018	Bộ	1
574	Bầu trợ lực + xylanh chính	Xe tải Dongben 800kg đời 2018	Bộ	1
575	Bóng đèn xe Vios đời 2018	Mã phụ tùng: SYLVAIA HB3U 900522N 12V60W	Cái	2
576	Bóng đèn xe Vios đời 2018	Mã phụ tùng: PHILIPS H11 LL 8H23 C 12V55W 12362 LL	Cái	2
577	Rơ le chớp xi nhan Toyota	Mã phụ tùng: 81980-50030 066500-4650 (Có giắc cắm)	Cái	2
578	Dây điện ô tô Ø 0,5mm	Ø 0,5mm (dây đơn)	Kg	2
579	Dây co nhiệt phi 4	Ø 4mm (dài 1m)	Dây	10
580	Hộp cầu chì đơn	Cỡ dây điện: 8 AWG	Cái	120
581	Băng keo đen	Băng keo quấn dây điện (Băng 10 mm)	Cuộn	16
582	Xà bông bột OMO		Kg	10
583	Lưỡi gạt mưa xe Kia rondo	Xe Kia Rondo 2018	Bộ	1
584	Lưỡi gạt mưa Toyota altis 2007	Xe Toyota Altis 2007	Bộ	1
585	Lưỡi gạt mưa Toyota Hiace 2003	Xe Toyota Hiace	Bộ	1
586	Chốt, ốc vít nhựa	Bắt trong xe ô tô	Bịch	2
587	Khoá điện ô tô JK423 (3 chân)	Mã phụ tùng JK423	Cái	2
588	Giắc HB4 Đuôi đèn pha 9006 Toyota	Giắc có dây điện	Cái	12
589	Giắc đèn pha, cos H4	Giắc có dây điện	Cái	12
590	Bộ khiển cửa ô tô từ xa GIORDON 12V	Loại 12V	Bộ	2

591	Đèn pin đội đầu	Mã phụ tùng SHE-5032	Cái	2
592	Rơ le khóa cửa Toyota 82641-12200	Mã: 82641-12200	Cái	2
593	Sắt V3	Cây 6m	Cây	4
594	Que hàn 2.5 mm	2,5 x 400mm	Kg	14
595	Alu dày 6mm	(1220 x 2440) Dày 6 mm	Tấm	2
596	Cầu đầu dây Domio TB25A 6P	Mã TB25A 6P	Cái	40
597	Cầu đầu dây Domio TB25A 12P	TB25A 12P	Cái	40
598	Đầu cos chữ Y (100 PCS/1.25)	(100 PCS/1.25)	Bịch	4
599	Đầu cos tròn (100 PCS/5mm)	(100 PCS/5mm)	Bịch	1
600	Găng Tay Cách Điện Hạ Thế	Yotsugi HGTD00031	Bộ	1
601	Bình gas 134a (13,6kg)	Bình 13,6kg	cái	1
602	Dầu lạnh gas 134a	Chai 1 lít	lít	1
603	Dây điện đôi	Dây đôi, S: 1,5 mm ²	Mét	20
604	Dầu ATF	Chai 1 lít	lít	2
605	Màng phanh 13 lỗ	Ø 177 mm	Cái	2
606	Ống đồng Ø6mm	Ø6 mm	Mét	15
607	Ống hơi + sung hơi	Độ cứng 95A, Chịu áp suất 30 kg/cm ² (Dây xoắn 6m)	Bộ	2
608	Bu long + đai ốc + lông đèn M6 x 40mm		Kg	1
609	Bu long + đai ốc + lông đèn M8 x 40mm		Kg	1
610	Bu long + đai ốc + lông đèn M10x40 mm		Kg	1
611	Bu long + đai ốc + lông đèn M12x40 mm		Kg	1
612	Cửa sắt cầm tay 12 inch có khung điều chỉnh 43302012 Tramontina	Chiều dài cửa 437mm, chiều dài lưỡi 12'''	Cây	20
613	Lưỡi cửa 2 mặt	12'''	Lưỡi	50
614	Tole đen 0,8mm x 1,2m x 2,4m	0,8mm x 1,2m x 2,4m	Tấm	2
615	Sắt tròn Ø22mm	Ø22mm	Mét	5
616	Bình gas 12kg + Vỡ		Bình	2
617	Bình CO ₂	40 lít	Chai	2
618	Bộ ta rô ren trong + Tay quay	M12x1,75	Bộ	6
619	Mũi khoan 10,5mm	Ø10,5 mm	Cây	5
620	Bút khắc dấu trên kim loại, mũi hợp kim	Dài 150 mm, Ø6 mm	Cây	3
621	Đục lấy dấu 1/4" Stanley 16-227	Kích thước: 1/4" x 4" Mã sản phẩm: STL-162-620	Cây	2

622	Compa cơ khí 300mm – Bán kính 430mm	300mm – Bán kính 430mm	Cây	2
623	Dũa dẹp + cán	Dũa bằng 200 mm	Cây	20
624	Bộ tháo bu lông gãy		Bộ	2
625	Bộ mũi khoan 3,5-4-4,5-5,5 -6- 8,10,12mm		Bộ	1
626	Keo AB 2 thành phần	Type 10ml	Bộ	4
627	Keo dán ron chịu nhiệt độ cao đỏ Bardo 85g	Type 85 g	chai	4
628	Giắc cảm biến vị trí trục cam toyota Vios 2020 (3 dây)	Cửa CB loại Hall (3 chân)	Cái	2
629	Giắc cảm biến đo gió toyota Vios 2020	Loại CB dây nhiệt 5 chân	Cái	2
630	Giắc OBD2	16 chân	Cái	2
631	Bộ bin Toyota altis 2008 (mới 100%)	Mã: 90919-C2005	Cái	4
632	Cào nắp bơm xăng loại 3 chân	Mã: NDL1010A	Cái	2
633	Giắc hộp Toyota 1NZ-FE 2009	Cụm 2 giắc	Bộ	2
634	Rơ le Toyota 4 chân 28300-21020 156700-4190 12V (màu tím)	Mã sản phẩm 28300-21020 156700-4190 12V (màu tím)	Cái	4
635	Bugì NGK IFR5A-11		Cái	8
636	Bugì Denso SK16R11		Cái	8
637	Dây cao áp Toyota 5A-FE	xe Toyota 5A-FE	Bộ	2
638	Dây cáp lõi đồng phi Ø10 mm	Ø10 mm	Mét	20
639	Cầu chì ô tô 30A	Cầu chì Hộp (Chân ngắn)	Cái	8
640	Hộp gioăng kim phun xăng 150 chiếc 7 loại	Hộp 150 chiếc	Hộp	1
641	Cọc bình ắc quy		Cái	16
642	Dây hàn Mig Ø0.6mm	Mã: GM-70S	Kg	45
643	Béc hàn Mig Ø0.6mm	Ø0.6mm	Cái	3
644	Kim phun xăng Vios 2008-2012 (mới 100%)	Mã 23250-0M010	Cái	4
645	Xy lanh bánh xe	Xe tải Dongben 800kg đời 2018	Bộ	2
646	II. NGÀNH CẮT GỌT KIM LOẠI		ngành	0
647	Thước cặp cơ Mitutoyo (0-150mm)	Thước cặp cơ Mitutoyo (0-150mm)	Cây	5
648	Thép Φ30		Mét	23
649	Dao tiện ngoài hợp kim (mũi bầu)	Cán vuông 14x200mm	Cây	50
650	Dao tiện thép gió vuông 10x200mm	Vuông 10x200mm	Cây	30
651	Dao tiện thép gió vuông 6x200mm	Vuông 6x200mm	Cây	20
652	Mũi khoan Φ6.5		Mũi	5
653	Ta rô M8	Bộ 2 mũi	Bộ	5
654	Giũa tam giác 3mm		Cây	10

655	Sắt la 4x40	Cây 3m	Mét	30
656	Que hàn thép 3ly2		Hộp	4
657	Ôxy		Chai	1
658	Axetylen		Chai	1
659	Dây điện đôi ruột 30mm ruột đồng		Mét	20
660	Đá mài hợp kim (Hải Dương)	V1 200.20.32	Viên	5
661	Đá mài thép (Hải Dương)	V1 200.20.32	Viên	5
662	Dầu Diesel		Lít	15
663	Giẻ lau	Vải thun	Kg	10
664	Xà bông bột	Ô mô	Kg	10
665	III. NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG		ngành	0
666	Kích chân gạch ốp tường		cái	4
667	Thước eke góc 40cm x 60cm		cái	4
668	Gậy kiểm tra bộp gạch (dài 1m)		cây	2
669	Ê tô mâm xoay 200 mm-8 inch (20.5kg)		cái	2
670	Âu tiểu nam (màu trắng)		cái	2
671	Chậu rửa inox		cái	1
672	Gạch men ceramic	400 x 400 mm	m2	5
673	Gạch men	300x600 mm	m2	5
674	Cát xây		m3	1
675	Keo dán gạch	25 kg	Bao	2
676	Phiếu thu nước 20x20cm	20x20cm	cái	2
677	Vòi rửa tăng áp		cái	2
678	Vòi tắm sen		cái	2
679	Ê kê 40cm để lắp chậu rửa	40 Cm	bộ	2
680	Nồi bích 60		cái	2
681	Mặt bích 60		cái	2
682	Mặt bích nối ống 60		cái	4
683	Ống 60		cây	2
684	Nút bích 60		cái	2
685	Nút bích ren 60		cái	2
686	Giấy nhám xà bột		tờ	10
687	Bột trét		bao	1
688	Dao bả bột trét bằng nhựa		cái	10
689	Sắt hộp 3cm x 6cm dày 1,4mm	3cm x 6cm dày 1,4mm	Cây	6
690	Que hàn 2,6mm		hộp	2

1.3. Các yêu cầu khác

a) Vận tải, bảo hiểm

Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong cả quá trình cung ứng hàng hoá, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.

- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B chịu chi phí bốc xếp đầu lên và vận chuyển đến địa điểm giao nhận hàng hóa, bốc xếp đầu xuống và nhập kho, trường hợp hàng hóa đã được bốc xếp đầu xuống mà không đảm bảo chất lượng phải đổi lại thì bên B phải chịu mọi chi phí bốc xếp, vận chuyển.

b) Điều kiện giao hàng

- Địa điểm giao hàng: Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 259 Thiên Hộ Dương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

c) Bảo hành

Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

d) Các yêu cầu khác:

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Mục 2. Bản vẽ: không.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra tiến hành thử nghiệm gồm có:

- Kiểm tra chủng loại, số lượng, tình trạng hàng hóa (nguyên đai, nguyên kiện, đúng Tham khảo Mã hiệu Catalogue hàng hóa, đúng thông số kỹ thuật của E -HSMT và E -HSDT)

Việc kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa được tiến hành tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 259 Thiên Hộ Dương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bên B có trách nhiệm xuất trình các tài liệu kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, các giấy tờ khác có liên quan làm cơ sở cho việc kiểm tra nghiệm thu hàng hóa.

Việc kiểm tra, lấy mẫu thí nghiệm được thực hiện trên tất cả các lô hàng. Chi phí thí nghiệm do bên B chịu.

Trong quá trình sử dụng nếu bên A phát hiện có bất kỳ lô hàng nào không đảm bảo yêu cầu chất lượng thì bên B chịu trách nhiệm đổi lại lô hàng khác đúng chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng, đồng thời mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển, đổi lại hàng hóa... do bên B chịu toàn bộ.

Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

- Nghiệm thu hoàn thành hợp đồng.